TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/DS-ST
Ngày 28 - 7 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản & yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lý Hùng
2. Bà Lê Thị Xuân Đào

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa-Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mạnh Khang- Kiểm sát viên

Trong các ngày 24 và 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1984. Địa chỉ: 01, L, Phường M, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền của bà Th là ông Nguyễn Phương T, sinh năm 1984. Địa chỉ: : 01, L, Phường M, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Nguyệt Th1, sinh năm 1982 (có mặt ngày 24/7 vắng mặt ngày 28/7/2023);

Bà Đỗ Thị Tuyết H, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Cháu Lê Thụy Giáng M, sinh năm 2006

Cháu Lê Minh H1, sinh năm 2007

Người đại diện cháu M và cháu H1 là bà Ngô Thị Nguyệt Th1. Cùng địa chỉ: Ô 4, Khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Phương T, sinh năm 1984. Địa chỉ: 01, L, Phường M, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th do ông Nguyễn Phương T đại diện trình bày:

Ngày 26/5/2022, bà Th có cho bà Ngô Thị Nguyệt Th1 và ông Lê Quốc Minh T1 mượn 300.000.000 đồng lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Bà Th lấy được hai lần tiền lãi thì ông T1 và bà Th1 không trả nữa.Trước khi ông T1 chết (24/3/2023), bà Th đã nhiều lần đề nghị đòi lại số tiền cho vợ chồng ông T1, bà Th1 mượn nhưng vợ chồng bà Th1 không trả. Nay ông T1 chết, bà Th đề nghị bà Th1 và những người thừa kế của ông T1 phải trả bà Th 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Theo đơn khởi kiện ban đầu bà Th có đòi bà Th1 và người thừa kế của ông T1 là 500.000.000 đồng. Nay bà Th rút lại yêu cầu một phần với số tiền 200.000.000 đồng.

Bị đơn bà Ngô Thị Nguyệt Th1 trình bày: bà thừa nhận bà và chồng bà Lê Quốc Minh T1 (chết ngày 24/3/2023) có nợ bà Th số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) là đúng nhưng hiện nay bà đang nuôi hai con đang ăn học. Bà cũng đồng ý trả khi có đủ điều kiện trả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T trình bày: Tôi thống nhất lời khai của vợ tôi bà Th, ông không bổ sung gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Tuyết H trình bày: Bà là mẹ ruột của ông T1 nhưng T1 có gia đình riêng không liên quan đến kinh tế gia đình bà. Bà hiện đã lớn tuổi nhiều bệnh nền không làm gì ra tiền. Bản thân phải sống nương tựa những người con khác nên không đồng ý trả tiền thay cho ông T1 theo yêu cầu của bà Th. Đồng thời bà xin xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân các cấp.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Th1 và những người thừa kế của ông T1 trả cho bà Th 300.000.000 đồng (phần của ông T1 trả trong phạm vi di sản ông T1 chết để lại).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Th nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản & yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Th1 và những người thừa kế của ông T1 có hộ khẩu thường trú tại thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Th người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Ngô Thị Nguyệt Th1, bà Đỗ Thị Tuyết H, Lê Thụy Giáng M và Lê Minh H1 được xác định là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Ông Nguyễn Phương T được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: bà Th khởi kiện yêu cầu bà Th1 và những người thừa kế của ông T1 trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối cH1 theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà Nguyễn Thị Ngọc Th có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà Th yêu cầu bà Th1 và những người thừa kế của ông T1 liên đới phải trả cho bà Th 300.000.000 đồng, chứng cứ là Hợp đồng ký gửi ngày 26/5/2022. Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[1.4]. Về việc xét xử vắng mặt: Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[1.5]. Đình chỉ phần yêu cầu: Bà Th rút lại một phần yêu cầu khởi kiện 200.000.000 đồng vì bà cho rằng bà không có quyền khởi kiện. Hội đồng xét xử

thấy rằng việc rút đơn của bà Th là tự nguyện nên cần đình chỉ theo quy định điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Hợp đồng ký gửi vay tiền ngày 26/5/2022 nội dung giấy nợ ghi: "*Bên A Lê Quốc Minh T1, sinh năm 1978…. HKTT: 27/2A Ô 4, Khu A thị trấn H, Đức Hòa, tỉnh Long An và bà Ngô Thị Nguyệt Th1, sinh năm 1982…HKTT: 27/2A Ô 4, Khu A thị trấn H, Đức Hòa, tỉnh Long An …Bên B Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 10/6/1984. HKTT: Số 1 P M, Quận Tân Bình, Tp.HCM…Bên A có nhận số tiền 300.000.000 đồng….*". Đối với giấy nợ này bà Th1 thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên là của bà và chồng bà. Đồng thời bà cũng thừa nhận vợ chồng bà có nhận của bà Th 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Đây là tình tiết sự thật của vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Số tiền bà Th1 và các đồng thừa kế của ông T1 phải trả cho bà Th được bà Th1 và ông T thống nhất tại phiên tòa là 300.000.000 đồng. Đồng thời bà Th cũng không yêu cầu tính lãi đối với số tiền phải trả nên không đề cập xem xét. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà Th đối với số tiền 300.000.000 đồng.

[2.3]. Đối với việc thực hiện nghĩa vụ người chết để lại, bà H (mẹ ông T1) không đồng ý thực hiện nghĩa vụ của ông T1 chết lại trong phạm vi di sản của ông T1 là không phù hợp với Điều 615 Bộ luật dân sự 2015.

[3].Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Th1 phải chịu án phí, bà H và các con ông T1 được miễn án phí.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 và Điều 615 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản & yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" với bà Ngô Thị Nguyệt Th1 và những người thừa kế

của ông Lê Quốc Minh T1 là Ngô Thị Nguyệt Th1, Lê Thụy Giáng M, Lê Minh H1 và Đỗ Thị Tuyết H.

Buộc bà Ngô Thị Nguyệt Th1 liên đới cùng với cùng với những người thừa kế ông Lê Quốc Minh T1 (Ngô Thị Nguyệt Th1, Đỗ Thị Tuyết H, Lê Thụy Giáng M, Lê Minh H1) trả số tiền vay và thực hiện nghĩa vụ của ông T1 (chết) trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Trong đó phần trách nhiệm cá nhân của bà Th1 là 150.000.000 đồng, phần nghĩa vụ của ông T1 chết để lại là 150.000.000 đồng (phần nghĩa vụ của ông T1 thực hiện trong phạm vi di sản của ông T1 chết để lại).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Th về việc đòi 200.000.000 đồng đối với bà Ngô Thị Nguyệt Th1 và những người thừa kế nghĩa vụ của ông T1 (Ngô Thị Nguyệt Th1, Đỗ Thị Tuyết H, Lê Thụy Giáng M, Lê Minh H1). Hậu quả việc đình chỉ: Bà Th không có quyền khởi kiện lại.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ngô Thị Nguyệt Th1 phải chịu 9.375.000 đồng (Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th 12.000.000 đồng theo biên lai số 0008436 ngày 10/4/2023 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Trần Thị Đổi – Nguyễn Thị Rạt	**Nguyễn Thị Mộng Thúy**